TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TU** **TỈNH LC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2022/QĐST-HNGĐ	*TU, ngày 15 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn HK, xã TL, huyện VC, tỉnh YB.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản NB, xã MK, huyện TU, tỉnh LC.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116,117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D có hai con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị HT, sinh ngày 14/11/2011 và Nguyễn MC, sinh ngày 12/12/2015. Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận về nuôi con sau khi ly hôn như sau:

Giao cho anh Nguyễn Văn D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Thị HT và cháu Nguyễn MC cho đến khi cháu T, cháu C thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu cháu Nguyễn Thị HT, sinh ngày 14/11/2011 và Nguyễn MC, sinh ngày 12/12/2015 mỗi cháu 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)*/tháng. Phương thức cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng, kể từ ngày 20/02/2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con chung được sống chung với anh Nguyễn Văn D. Anh Nguyễn Văn D có quyền yêu cầu chị Nguyễn Thị Th cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Chị Th phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị là để chị Th nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà anh D phải nộp. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Th phải nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Xác nhận chị Th đã nộp 300. 000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2021/0000522 ngày 13/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh;*
- *VKS huyện TU;*
- *THA huyện TU;*
- *UBND xã MK;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

Quàng Thị Phương